

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ B  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HN-ST

Ngày: 11-6-2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khởi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Tỉnh

2. Ông Nguyễn Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Huệ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2019/TLST-HN, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực X, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Tô Hồng S, sinh năm 1963; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực X, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn tổ chức lễ cưới vào ngày 28/8/1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05 năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn bỏ về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 02 năm sau thì vợ chồng đoàn tụ, chung sống đến tháng 9/2018 tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân do nguyên đơn và bị đơn không hợp nhau về tính cách,

bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã nên nguyên đơn về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn Tô Hồng S.

Quá trình chung sống có 01 con chung là Tô Sĩ H, sinh năm 2000. Hiện nay Sĩ H đã trưởng thành, muốn sống chung với cha hay mẹ là do cháu H tự quyết định.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai ngày 24/4/2019 của bị đơn Tô Hồng S: Về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nguyên đơn trình bày. Ngoài ra bị đơn còn cho rằng nguyên đơn ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn và nguyên đơn sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn cũng đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nội dung vụ án

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện việc xin ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thị xã B, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình.

Về sự vắng mặt của bị đơn, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do

đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Tô Sĩ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành, muốn sống với ai để cháu H tự quyết định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQ 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị K được ly hôn với bị đơn Tô Hồng S.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, để con chung tự định đoạt việc sống chung với nguyên đơn hay bị đơn.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019133 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang (Nơi bị đơn cư trú).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang ;
- VKSND. TX B;
- Chi cục THA.TX B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khởi**